

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/KDTM-PT

Ngày 28 - 3 - 2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thế Phương

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Quý

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2018/KDTM-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty vật liệu xây dựng F (F)

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà S, 111A P, phường B, quận X, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc B1, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền số 54/UQ-TCT ngày 29/01/2019): Bà Phạm Thảo N, chức vụ: Nhân viên Công ty

Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại Vật liệu xây dựng F .

Bị đơn: Công ty Cổ phần Gạch men C

Địa chỉ: Đường 25B, Khu công nghiệp 1, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chen Hui Z, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 06/8/2018) : Ông Bùi Văn T, sinh năm: 1991.

(Bà N, ông T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Phạm Thảo Nguyên, trình bày:

Tổng Công ty vật liệu xây dựng F (gọi tắt Công ty F) đã ký hợp đồng số 425/2017/MB-TCT ngày 02/10/2017 về việc mua bán than Indonesia với Công ty Cổ phần Gạch men C (gọi tắt là Công ty C).

Theo đó, từ tháng 10/2017 cho đến tháng 01/2018 Công ty F đã xuất bán cho Công ty C lượng hàng hóa với tổng giá trị là 3.007.513.520đ (theo các hóa đơn số 003598 ngày 31/10/2017: 649.697.840đ, 003837 ngày 20/11/2017: 654.933.840đ, 004245 ngày 15/12/2017: 918.379.440đ, 004799 ngày 29/01/2018: 784.502.400đ).

Tính đến ngày 12/6/2018, Công ty C đã thanh toán được 1.504.481.552đ tiền gốc.

Căn cứ theo khoản 4.2 Điều 4 Hợp đồng số 425/2017/MB-TCT ngày 02/10/2017 quy định: “*Bên mua có trách nhiệm thanh toán cho bên bán 100% tổng giá trị hàng hóa đã nhận trong vòng 90 ngày kể từ ngày bên bán xuất hóa đơn GTGT cho bên mua...*”.

Toàn bộ hóa đơn còn lại gửi Công ty C đều đã quá hạn thanh toán, nhưng Công ty C không thanh toán thêm được khoản nào, mặc dù Công ty F đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu thanh toán nợ. Nên ngày 18/7/2018, Công ty F khởi kiện yêu cầu Công ty C thanh toán số tiền nợ là: 1.687.867.020đ, trong đó:

Nợ gốc: 1.503.031.968đ.

Nợ lãi tính đến ngày 30/6/2018: 64.592.495đ.

Phạt vi phạm: 120.242.557đ.

Tổng cộng: 1.687.867.020đ.

Và tiền lãi từ ngày 01/7/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

Đến ngày 15/8/2018, Công ty C đã thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc 3.007.513.520đ. Tuy nhiên, vì số tiền nợ đã quá hạn nên, Công ty F tiếp tục yêu cầu Công ty C thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 14/8/2018 là 85.263.151đ và tiền phạt vi phạm 120.242.557đ, tổng cộng 205.505.708đ (đã

trình bày theo bản tự khai ngày 02/10/2018).

Theo án sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Bùi Văn Tuyền, trình bày:

Vào ngày 02/10/2017, giữa Công ty Cổ phần Gạch men C và Tổng Công ty vật liệu xây dựng F có ký kết một hợp đồng nguyên tắc số 425/2017/MB - TCT về việc mua bán than Indonesia. Trong quá trình hợp tác, hai bên đã hợp tác mua bán và thanh toán thành công rất nhiều lần.

Tuy nhiên, từ đầu năm 2018 đến thời điểm hiện tại do thị trường sản xuất và kinh doanh gạch men bị đóng băng vì thế Công ty C có gặp một số khó khăn về tài chính đột xuất nên chưa thanh toán hết số tiền còn nợ lại là 1.502.881.840 đồng cho các đợt mua than Indonesia cho Công ty F và có gửi công văn đề nghị cho xin gia hạn thanh toán đến đầu tháng 8/2018 sẽ thanh toán hết. Cụ thể đến ngày 15/08/2018 Công ty C đã thanh toán số tiền 1.502.881.840 cho Công ty F. Vì vậy, hiện nay giữa Công ty C và Công ty F đã không còn dư nợ bất kỳ khoản nào.

Nay Công ty C không đồng ý thanh toán số tiền lãi chậm trả và phạt vi phạm hợp đồng theo yêu cầu của Công ty F vì công ty F không có thông báo cụ thể cho Công ty C về việc tính lãi, đồng thời tiền nợ Công ty C đã thanh toán hết nhưng Công ty F không có văn bản thông báo về việc tiếp tục tính lãi và theo điểm 4.4 Điều 4 hợp đồng số 425 ngày 02/10/2017 thì hạn mức dư nợ bên A đồng ý cấp cho bên B là 2.000.000đ bao gồm nợ quá hạn, đến hạn và chưa đến hạn mà số nợ của Công ty C chỉ là 1.502.881.840đ và đến ngày 31/12/2018 hợp đồng mới hết hạn.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2018/KDTM-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định:

Áp dụng khoản 8 Điều 3, Điều 24, Điều 50, 300, 301, 306, 317 Luật Thương mại năm 2005; Điều 430, Điều 431, khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty vật liệu xây dựng F về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” với Công ty Cổ phần Gạch men C.

Tuyên xử:

Buộc Công ty Cổ phần Gạch men C phải thanh toán cho Tổng Công ty vật liệu xây dựng F số tiền 205.505.708đ (trong đó, nợ lãi quá hạn là 85.263.151đ và tiền phạt vi phạm là 120.242.557đ).

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài khoản số 0121 370 162 392 với số tiền 205.505.708đ của Công ty Cổ phần Gạch men C tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh huyện N theo quyết định số 02/2018/QĐ-ADBPKCTT ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện N để đảm bảo thi hành án và quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 11/2018/QĐ-BPBD ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân

huyện N, cho đến khi có căn cứ để hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về án phí: Công ty Cổ phần Gạch men C phải chịu án phí sơ thẩm là 10.275.285đ.

Hoàn trả Tổng Công ty vật liệu xây dựng F số tiền tạm ứng án phí là 31.318.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Kháng cáo:

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, Công ty Cổ phần Gạch men C kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do: Vì bản án không xem xét một cách khách quan vụ việc, không triệu tập những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Phần phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện việc thụ lý, phân công Thẩm phán làm chủ tọa giải quyết vụ án, đảm bảo quyền kháng cáo. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định. Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo đúng thành phần, vô tư, khách quan và không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng; đồng thời, thủ tục phiên tòa được thực hiện đầy đủ và đúng quy định.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Qua các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và thẩm tra làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy bản án sơ thẩm buộc Công ty Cổ phần Gạch men C phải thanh toán cho Tổng Công ty vật liệu xây dựng F số tiền 205.505.708đ là có cơ sở, đúng với thỏa thuận của hợp đồng kinh tế mà hai bên giao kết và đúng với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần Gạch men C làm đơn kháng cáo và nộp trong thời hạn kháng cáo nên được xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tham gia phiên tòa nên quyền lợi của đương sự được đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 294 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị đơn trình bày là cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, cụ thể: Chấp nhận ông Nguyễn Văn B1 là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Tổng Công ty vật liệu xây dựng F vì ông B1 tuy là người đại diện theo pháp luật nhưng theo điều lệ của Công ty thì ông không được phân công trách nhiệm ở khâu có quyền ký đơn khởi kiện nên ông không có quyền ký ủy quyền khởi kiện và ủy quyền tham gia tố tụng; bỏ sót tư cách đương sự là không đưa Bru cục B2- Tổng công ty cổ phần Bru chính V tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trình bày của đại diện bị đơn là không có cơ sở, vì theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Tổng Công ty vật liệu xây dựng F đã được cấp, xác định ông Nguyễn Văn B1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nên ông có thẩm quyền ủy quyền ký đơn khởi kiện và ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng. Việc không đưa Bru cục B2- Tổng Công ty cổ phần Bru chính V tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng với quy định của pháp luật, bản án sơ thẩm đã nhận định rõ.

[2] Về việc giải quyết các yêu cầu của đương sự trong vụ án:

Công ty F yêu cầu Công ty C thanh toán số tiền 205.505.708đ (nợ lãi tính đến ngày 14/8/2018 là 85.263.151đ, tiền phạt vi phạm đối với hai hóa đơn số 004245 ngày 15/12/2018, hóa đơn số 004799 ngày 29/01/2018 là 120.242.557đ). Công ty C không đồng ý thanh toán tiền nợ lãi và lãi phạt này vì cho rằng hạn mức thanh toán nợ theo hợp đồng lên tới 2.000.000.000đ, trong khi nợ của Công ty C chưa tới 2.000.000.000đ và còn trong thời hạn thực hiện hợp đồng (ngày 31/12/2018), sau khi thanh toán nợ, Công ty F cũng không có văn

bản về việc tính lãi nên mặc nhiên coi như đã thanh toán xong, các phiếu gửi của Công ty F cung cấp cho Tòa án chỉ có xác nhận của bưu cục không có người ký, trong các phiếu gửi chỉ có phiếu gửi số 3837, 4242 và công văn số 878 là đúng có người nhận.

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã nhận định:

Theo bảng đối chiếu công nợ từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017 (có xác nhận của Công ty F), ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 (bị đơn trình bày đã nhận được bảng đối chiếu công nợ này), công văn số 2718/CV-TMF ngày 27/6/2018, các thông báo về việc đề nghị thanh toán nợ ngày 05/4/2018, 07/5/2018, 30/5/2018, các phiếu gửi theo bảng kê chi tiết ngày 23/10/2018 của Công ty F (có xác nhận của Bưu cục B2 - Tổng công ty cổ phần Bưu chính V), đều thể hiện nội dung Công ty F thông báo cho Công ty C về việc thanh toán các khoản nợ và thời hạn thanh toán nợ.

Theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng mua bán hàng hóa số 425/2017/MB-TCT ngày 02/10/2017, thể hiện “*Bên B thanh toán cho bên A 100% tổng giá trị hàng hóa đã nhận trong vòng 90 ngày kể từ ngày Bên A xuất hóa đơn GTGT cho bên B*” và “*Trường hợp quá thời hạn thanh toán mà bên B chưa thanh toán cho bên A thì phải chịu tiền nợ lãi quá hạn phát sinh trên số tiền gốc quá hạn tương ứng với thời gian quá hạn. Lãi suất đối với số nợ quá hạn được hai bên thống nhất áp dụng bằng 150% lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng BIDV đối với bên A vào thời điểm hai bên ký hợp đồng (lãi suất 11%/năm). Nhưng thời gian nợ quá hạn không quá 15 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, quá thời hạn 15 ngày, ngoài việc phải thanh toán lãi chậm trả bên B còn phải chịu phạt vi phạm theo quy định của pháp luật (mức phạt 8% tổng giá trị vi phạm)*”.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên đương sự đều trình bày thống nhất về thời gian thanh toán nợ như sau:

- Hóa đơn số 003598 ngày 31/10/2017, trị giá là 649.697.840đ đến hạn thanh toán ngày 29/01/2018, nhưng đến ngày 12/02/2018 Công ty C mới thanh toán xong số nợ này (quá hạn 14 ngày).

Như vậy số tiền lãi chậm trả đối với hóa đơn này là:

$649.697.840đ \times 14 \text{ ngày} \times 11\%/năm = 2.780.274đ.$

- Hóa đơn số 003837 ngày 20/11/2017, trị giá 654.933.840đ đến hạn thanh toán ngày 18/02/2018, đã thanh toán xong theo ba đợt ngày 17/4/2018, 14/5/2018, 11/6/2018 (quá hạn lần lượt 58 ngày, 85 ngày, 113 ngày).

Như vậy số tiền lãi chậm trả đối với hóa đơn này là:

$200.000.000đ \times 58 \text{ ngày} \times 11\%/năm = 3.545.733đ.$

$200.000.000đ \times 85 \text{ ngày} \times 11\%/năm = 5.196.333đ.$

$254.933.840đ \times 113 \text{ ngày} \times 11\%/năm = 8.805.500đ.$

- Hóa đơn số 004245 ngày 15/12/2017, trị giá 918.379.440đ đến hạn thanh toán ngày 15/3/2018, Công ty C đã thanh toán xong theo các ngày 12/6/2018, 15/8/2018 (quá hạn 89 ngày và 153 ngày).

Như vậy số tiền lãi trậm trả đối với hóa đơn này là:

$200.000.000đ \times 89 \text{ ngày} \times 11\%/năm = 5.440.867đ.$

$718.379.440đ \times 153 \text{ ngày} \times 11\%/năm = 33.596.451đ.$

- Hóa đơn số 004799 ngày 29/01/2018, trị giá 784.502.400đ đến hạn thanh toán ngày 29/4/2018, Công ty C đã thanh toán xong vào ngày 15/8/2018.

Như vậy số tiền lãi chậm trả đối với hóa đơn này là:

$784.502.400đ \times 108 \text{ ngày} \times 11\%/năm = 25.897.993đ.$

Tổng số tiền lãi chậm trả của 04 hóa đơn trên là: 85.263.151đ.

Về lãi phạt: Hóa đơn số 4245 ngày 15/12/2017 ngày đến hạn thanh toán 15/3/2018, ngày thanh toán 12/6/2018, 15/8/2018, thanh toán quá hạn 89 và 153 ngày; Hóa đơn số 004799 ngày 29/01/2018 ngày đến hạn thanh toán 29/4/2018, ngày thanh toán 15/8/2018, thanh toán quá hạn 108 ngày. Như vậy, Công ty C thanh toán nợ quá 15 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán nên phải chịu phạt vi phạm đối với hai hóa đơn số 4245 và 4799 là: $918.379.440đ + 784.502.400đ = 1.502.881.884đ \times 8\% = 120.230.547đ.$

Trên những cơ sở đã nhận định, Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty F, buộc Công ty C thanh toán số tiền 205.505.708đ (trong đó, nợ lãi quá hạn là 85.263.151đ và tiền phạt vi phạm là 120.242.557đ) là đã có sự đánh giá chính xác các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và đúng với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty C.

[3] Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài khoản số 0121 370 162 392 với số tiền 205.505.708đ của Công ty Cổ phần Gạch men C tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh huyện N để đảm bảo thi hành án và quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 11/2018/QĐ-BPBD ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, cho đến khi có căn cứ để hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Công ty C phải chịu án phí sơ thẩm là 10.275.285đ và 2.000.000đ án phí phúc thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí cho Công ty F.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Gạch men C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 8 Điều 3, Điều 24, Điều 50, 300, 301, 306, 317 Luật Thương mại năm 2005; Điều 430, Điều 431, khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty vật liệu xây dựng F về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” với Công ty Cổ phần Gạch men C.

Buộc Công ty Cổ phần Gạch men C phải thanh toán cho Tổng Công ty vật liệu xây dựng F số tiền 205.505.708đ (trong đó, nợ lãi quá hạn là 85.263.151đ và tiền phạt vi phạm là 120.242.557đ).

2. Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài khoản số 0121 370 162 392 với số tiền 205.505.708đ của Công ty Cổ phần Gạch men C tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh huyện N theo quyết định số 02/2018/QĐ-ADBPCKTT ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện N để đảm bảo thi hành án và quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 11/2018/QĐ-BPBD ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, cho đến khi có căn cứ để hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí:

Công ty Cổ phần Gạch men C phải nộp phí sơ thẩm là 10.275.285đ và án phí phúc thẩm là 2.000.000đ. Số tiền 2.000.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty Cổ phần Gạch men C đã nộp (theo biên lai thu số 004364 ngày 21/11/2018 và số 0000199 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N) sẽ được tính trừ vào án phí phải nộp.

Hoàn trả Tổng Công ty vật liệu xây dựng F số tiền tạm ứng án phí là 31.318.000đ (theo biên lai thu số 004034 ngày 25/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện N;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Kinh tế, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thế Phương